TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH NGHỆ AN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 56/2024/DS-PT
Ngày: 18-6-2024
V/v "Tranh chấp thừa kế tài sản"

NHÂN DANHNƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH NGHỆ AN

***- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hoàng Ngọc Anh

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Đức Anh

Ông Trần Quốc Cường

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Xuân - Thẩm tra viên Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An.

- ***Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Nghệ An:*** Bà Phạm Thị Bằng Giang - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 6 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 111/2023/TLPT-DS ngày 08 tháng 11 năm 2023 về "Tranh thừa kế tài sản". Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 12/2023/DS-ST ngày 29/6/2023 của Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Nghệ An bị kháng cáo. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 123/2024/QĐXXPT-DS ngày 03 tháng 6 năm 2024, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Bà Đặng Thị M, sinh năm 1945. Địa chỉ: Xóm Đ, xã N, huyện N, tỉnh Nghệ An. Có mặt.

- *Bị đơn*: Anh Đặng Văn C, sinh năm: 1980. Địa chỉ: Xóm Đ, xã N, huyện N, tỉnh Nghệ An. Có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn Đặng Văn C: Luật sư Nguyễn Vinh D - Văn phòng L1, đoàn luật sư tỉnh N. Có mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

+ Chị Đặng Thị T, sinh năm 1973. Địa chỉ: Xóm Đ, xã N, huyện N, tỉnh Nghệ An. Có mặt.

+ Chị Bùi Thị L, sinh năm 1985. Địa chỉ: Xóm Đ, xã N, huyện N, tỉnh Nghệ An. Có mặt.

- *Người kháng cáo:* Anh Đặng Văn C là bị đơn và chị Bùi Thị L là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Ý kiến của nguyên đơn bà Đặng Thị M trình bày:

Bà M và ông Đặng Văn T1 kết hôn vào năm 1971 và có 03 người con chung là chị Đặng Thị T, anh Đặng Văn C1 (chết năm 2005 chưa có vợ con) và anh Đặng Văn C. Bà M, ông T1 không có con riêng, con nuôi nào khác. Quá trình chung sống bà M, ông T1 đã tạo lập được khối tài sản chung là thửa đất số 929, tờ bản đồ số 7, diện tích 638 m^2 tại xóm Đ, xã N, huyện N, tỉnh Nghệ An đã được Ủy ban nhân dân huyện N, tỉnh Nghệ An (viết tắt UBND huyện N) cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (viết tắt GCNQSDĐ). Đến ngày 09/8/2021 được Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh N cấp đổi lại GCNQSDĐ số DC 640584 mang tên ông Đặng Văn T1 và bà Đặng Thị M. Trên thửa đất này bà M, ông T1 đã xây dựng 01 nhà lợp ngói, tường xây táp lô, nền lát gạch men; 01 nhà lợp tôn, tường xây táp lô, da trát một phần; sân nền láng vựa xi măng; dàn tôn khung sắt; ống giếng đổ bằng bê tông. Ngoài ra trên đất còn có cây cối không yêu cầu giải quyết.

Năm 2010, anh C kết hôn với chị L cùng chung sống với bà M, ông T1. Đến năm 2013, anh C, chị L được bà M, ông T1 cho làm nhà ở trên một phần đất nhưng không cho đất. Ngày 03/9/2021, ông T1 chết không để lại di chúc; sau khi ông T1 chết được 49 ngày bà M chuyển đến nhà con gái ở cho đến nay. Do bà M và anh C không thống nhất được với nhau về việc phân chia di sản của ông T1 nên bà M yêu cầu Tòa án chia tài sản chung của vợ chồng và phân chia di sản thừa kế theo pháp luật đối với phần di sản thừa kế của ông T1 là quyền sử dụng diện tích 638 m^2 đối với thửa đất số 929, tờ bản đồ số 7 tại xóm Đ, xã N, huyện N, tỉnh Nghệ An. Bà M đề nghị nhận đất theo hiện trạng sử dụng để làm nơi thờ cúng gia tiên.

2. Ý kiến của bị đơn anh Đặng Văn C:

Ông Đặng Văn T1 (chết năm 2021) và bà Đặng Thị M có 03 người con chung là chị Đặng Thị T, anh Đặng Văn C1 (chết năm 2005 chưa có vợ con) và anh Đặng Văn C. Quá trình chung sống ông T1, bà M đã tạo lập được khối tài sản chung như bà M trình bày. Năm 2010, anh C kết hôn với chị Bùi Thị L và sinh sống cùng với ông T1, bà M. Đến năm 2013, vợ chồng anh C xin ông T1, bà M một phần diện tích đất để làm nhà và được ông T1, bà M đồng ý. Vợ chồng anh C đã xây một ngôi nhà cấp 4 khoảng 90 m^2, đến năm 2019, thì xây thêm tầng 2 khoảng 140 m^2. Ngày 22/3/2023, Tòa án nhân dân huyện N tiến hành xem xét thẩm định tại chỗ đối với thửa đất tranh chấp và các tài sản trên đất, mặc dù vợ chồng anh C không tham gia buổi xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản nhưng anh C thừa nhận ngoài ngôi nhà 2 tầng, vợ chồng anh C còn xây dựng các công trình khác như: 01 ống giếng đổ bằng bê tông, trên có nắp; nhà vệ sinh mái bằng; mái tôn phía trước nhà vệ sinh; 02 trụ cổng và 02 cánh cửa làm bằng tấm tôn; bờ rào xây bằng táp lô, không da trát; 02 trụ cổng xây bằng táp lô, trong có lõi bê tông cốt thép và 02 cánh cửa bằng sắt lưới B40 cao 1,9 m, rộng 2,3 m (là cổng chính hiện đi chung với bà M); sân nền xi măng, dàn tôn phía trước; nhà

mái bằng bê tông cốt thép mái tôn, tường xây táp lô. Vợ chồng anh C xây dựng và ở trên thửa đất từ năm 2013 đến nay không ai có ý kiến gì. Anh C thừa nhận phần diện tích đất vợ chồng đã xây dựng chưa được ông T1, bà Minh t cho hay mua bán gì.

Bà M khởi kiện yêu cầu chia tài sản chung và chia thừa kế quyền sử dụng đất của ông T1 đối với thửa đất số 929, tờ bản đồ số 7, diện tích 638 m^2 tại xóm Đ, xã N, huyện N, tỉnh Nghệ An thì anh C đồng ý. Anh C đề nghị chia cho anh C toàn bộ phần đất theo hiện trạng sử dụng. Nếu việc phân chia tài sản chung và thừa kế mà ảnh hưởng đến tài sản của vợ chồng anh C thì phải bồi thường. Còn các tài sản trên đất bà M, ông T1 xây dựng anh C không yêu cầu gì. Phần thừa kế của anh C được chia đề nghị nhập vào tài sản chung của vợ chồng anh C.

3. Ý kiến của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

- Ý kiến của chị Đặng Thị T:

Chị T thống nhất với lời khai của nguyên đơn bà Đặng Thị M và bị đơn anh Đặng Văn C về mối quan hệ huyết thống gia đình cũng như các tài sản chung của bà M, ông T1. Chị cũng đồng ý với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về chia tài sản chung và chia thừa kế theo quy định của pháp luật. Kỷ phần thừa kế mà chị được chia, chị T đồng ý tặng cho bà M.

- Ý kiến của chị Bùi Thị L:

Chị L là vợ của anh Đặng Văn C; chị L đồng ý với ý kiến của anh C và đề nghị trường hợp Tòa án chia tài sản chung và di sản thừa kế mà ảnh hưởng đến quyền lợi của vợ chồng chị L thì chị đề nghị bà M và chị T phải bồi thường số tiền 1.000.000.000 đồng, là số tiền tương đương với ngôi nhà 2 tầng mà vợ chồng chị L đã xây dựng trên thửa đất tranh chấp. Tại phiên tòa ngày 31/5/2023 chị L đề nghị chia thừa kế cho anh C được quyền sử dụng phần đất theo hiện trạng mà vợ chồng chị L đã xây dựng.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 12/2023/DS-ST ngày 29/6/2023 của Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Nghệ An đã quyết định:

Căn cứ Điều 26; Điều 184; Điều 185; Điều 227; Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 611; Điều 612; Điều 613; Điều 650; Điều 651; Điều 660 Bộ luật dân sự. Điều 33; điều 66 Luật Hôn nhân và gia đình; điểm đ khoản 1 Điều 12 và khoản 7 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Đặng Thị M về chia tài sản chung và chia thừa kế.

Chia tài sản chung và chia di sản thừa kế theo pháp luật đối với thửa đất số 929, tờ bản đồ số 7, diện tích 638m^2 đất ở, tại xóm Đ, xã N, huyện N, tỉnh Nghệ An được Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh N cấp Giấy chứng nhận quyền sử

dụng đất số DC 640584 ngày 09 tháng 8 năm 2021 mang tên ông Đặng Văn T1 và bà Đặng Thị M như sau:

- Công nhận sự tự nguyện thỏa thuận giữa bà Đặng Thi T2 và bà Đặng Thị M về việc bà T2 tặng cho kỷ phần thừa kế 90 m^2 đất ở, trị giá 450.000.000 đồng thuộc một phần thửa đất số 929, tờ bản đồ số 7 cho bà M được hưởng.

- Bà Đặng Thị M được quyền sử dụng 416,7 m^2 đất ở, trị giá 2.083.500.000 đồng thuộc một phần thửa đất số 929, tờ bản đồ số 7, diện tích 638m2 đất ở, tại xóm Đ, xã N, huyện N, tỉnh Nghệ An được Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh N cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số DC 640584 ngày 09 tháng 8 năm 2021 mang tên ông Đặng Văn T1 và bà Đặng Thị M có tứ cận: Phía Đông giáp đường, có cạnh 18,35m; phía Tây giáp nhà anh C, chị L, có cạnh 1,56m + 0,24m + 6,64m + 0,44m + 1,86m + 0,22m + 2,29m + 0,56m + 6,48m; Phía Nam giáp đường, có cạnh 21,87m; phía Bắc giáp thửa ONT 890, có cạnh 23,00m và được sở hữu tổng diện tích bờ tường rào xây bằng táp lô bao quanh phần đất của bà M được chia là 63,22m^2; 02 trụ cổng xây bằng gạch táp lô, có lõi bê tông cốt thép, 02 cánh cửa bằng sắt lưới B40, cao 1,9m, rộng 2,3m, trị giá 5.252.180 đồng. Tổng cộng bà M được chia, được hưởng tổng giá trị tài sản là 2.088.752.180 đồng (được ký hiệu S1 trên sơ đồ vị trí đất được chia kèm theo bản án).

- Anh Đặng Văn C, chị Bùi Thị L được quyền sử dụng 221,3 m^2 đất ở, trị giá 1.106.500.000 đồng thuộc một phần thửa đất số 929, tờ bản đồ số 7, diện tích 638m^2 đất ở, tại xóm Đ, xã N, huyện N, tỉnh Nghệ An được Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh N cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số DC 640584 ngày 09 tháng 8 năm 2021 mang tên ông Đặng Văn T1 và bà Đặng Thị M có tứ cận: Phía Đông giáp thửa đất bà M có cạnh 1,56m +0,24m +6,64m +0,44m +1,86m +0,22m +2,29 +0,56m +6,48m; phía Tây giáp thửa đất ONT 1290, có cạnh 19,13m; phía Nam giáp đường, có cạnh 12,10m; phía Bắc giáp thửa đất ONT 890, có cạnh 11,14m (được ký hiệu S2 trên sơ đồ vị trí đất được chia kèm theo bản án).

Các tài sản trên phần đất bà M được chia do bà M, ông T1 tạo lập, các đương sự đều không có ý kiến gì nên không xem xét.

Về thực hiện nghĩa vụ:

- Bà Đặng Thị M phải có nghĩa vụ thanh toán cho anh C, chị L số tiền 5.252.180 đồng (Năm triệu, hai trăm năm mươi hai nghìn, một trăm tám mươi đồng) do được hưởng các tài sản gồm: bờ tường bao quanh phần đất được chia, có diện tích 63,22m^2; 02 trụ cổng xây bằng gạch táp lô, có lõi bê tông cốt thép, 02 cánh cửa bằng sắt lưới B40, cao 1,9m, rộng 2,3m.

- Anh Đặng Văn C và chị Bùi Thị L phải có nghĩa vụ thanh toán cho bà Đặng Thị M số tiền 411.500.000 đồng (Bốn trăm mười một triệu, năm trăm nghìn đồng) do được hưởng diện tích đất ở 82,3 m^2 thuộc một phần thửa đất số 929, tờ bản đồ số 7, diện tích 638 m^2 đất ở, tại xóm Đ, xã N, huyện N, tỉnh Nghệ An được

Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh N cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số DC 640584 ngày 09 tháng 8 năm 2021 mang tên ông Đặng Văn T1 và bà Đặng Thị M.

- Buộc anh Đặng Văn C và chị Bùi Thị L phải tháo dỡ phần via của ngôi nhà 2 tầng mà anh C, chị L đã xây dựng sang phần đất của bà M được chia, có kích thước chiều rộng 0,20m, chiều dài 1,86 m.

Ngày 26/7/2023, bị đơn anh Đặng Văn C và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan chị Bùi Thị L có đơn kháng cáo toàn bộ Bản án số 12/2023/DS-ST ngày 29/6/2023 của Tòa án nhân dân huyện N.

Tại phiên tòa phúc thẩm, các đương sự đã thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án. Người kháng cáo là anh Đặng Văn C, chị Bùi Thị L và nguyên đơn bà Đặng Thị M, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan chị Đặng Thị T đề nghị Tòa án công nhận sự thỏa thuận của các đương sự về việc giải quyết vụ án như sau:

- Giao cho anh Đặng Văn C, chị Bùi Thị L được quyền sử dụng 221,3 m^2 của một phần thửa đất số 929, tờ bản đồ số 7, có tổng diện tích 638 m^2 tại xóm Đ, xã N, huyện N, tỉnh Nghệ An được Sở Tài nguyên và Môi trưởng tỉnh Nghệ An cấp GCNQSDĐ số DC 640584 ngày 09/8/2021 mang tên ông Đăng Văn T3 và bà Nguyễn Thị M1. Có tứ cận như sau: Phía Đông giáp thửa đất bà M1 có cạnh 1,56 m +0,24 m +6,64 m +0,44 m +1,86 m +0,22 m +2,29 m+0,56 m +6,48 m; phía Tây giáp thửa đất ONT 1290, có cạnh 19,13 m; phía Nam giáp đường, có cạnh 12,10 m; phía Bắc giáp thửa đất ONT 890, có cạnh 11,14 m (được ký hiệu S2 trên sơ đồ vị trí đất); không yêu cầu anh Đặng Văn C và chị Bùi Thị L tháo dỡ phần via của ngôi nhà 02 tầng mà anh Đặng Văn C và chị Bùi Thị L đã xây dựng lấn sang phần đất của bà Nguyễn Thị M1 được chia, có kích thước chiều rộng 0,20 m, chiều dài 1,86 m;

- Bà Đặng Thị M được quyền sử dụng 416,7 m^2 đất ở, trị giá 2.083.500.000 đồng thuộc một phần thửa đất số 929, tờ bản đồ số 7, diện tích 638 m^2 đất ở, tại xóm Đ, xã N, huyện N, tỉnh Nghệ An được Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh N cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số DC 640584 ngày 09 tháng 8 năm 2021 mang tên ông Đặng Văn T1 và bà Đặng Thị M. Có tứ cận như sau: Phía Đông giáp đường, có cạnh 18,35m; phía Tây giáp nhà anh C, chị L, có cạnh 1,56 m + 0,24 m + 6,64 m + 0,44 m + 1,86 m + 0,22 m + 2,29 m + 0,56 m + 6,48 m; Phía Nam giáp đường, có cạnh 21,87 m; phía Bắc giáp thửa ONT 890, có cạnh 23,00 m và được sở hữu tổng diện tích bờ tường rào xây bằng táp lô bao quanh phần đất của bà M được chia là 63,22 m^2; 02 trụ cổng xây bằng gạch táp lô, có lõi bê tông cốt thép, 02 cánh cửa bằng sắt lưới B40, cao 1,9 m, rộng 2,3 m, trị giá 5.252.180 đồng.

- Anh Đặng Văn C và chị Bùi Thị L không phải thanh toán số tiền 411.500.000 đồng cho bà Nguyễn Thị M1.

- Bà Đặng Thị M không phải thanh toán cho anh Đặng Văn C, chị Bùi Thị L số tiền 5.252.180 đồng do được hưởng các tài sản gồm: bờ tường bao quanh phần đất được chia, có diện tích 63,22 m^2; 02 trụ cổng xây bằng gạch táp lô, có lõi bê tông cốt thép, 02 cánh cửa bằng sắt lưới B40, cao 1,9 m, rộng 2,3 m.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nghệ An phát biểu ý kiến:

Trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán, thư ký, Hội đồng xét xử, các đương sự chấp hành đúng các quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đã thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự, sửa bản án sơ thẩm, công nhận sự thỏa thuận của các đương sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát và các đương sự có mặt tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tính hợp pháp của đơn kháng cáo: Đơn kháng cáo của bị đơn anh Đặng Văn C và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan chị Bùi Thị L nộp trong hạn luật định, hình thức và nội dung đơn kháng cáo hợp lệ nên được xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[2] Về nội dung: Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn, bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đề nghị Tòa án công nhận sự thỏa thuận của các đương sự về việc giải quyết vụ án như sau:

2.1. Anh Đặng Văn C, chị Bùi Thị L được quyền sử dụng 221,3 m^2 của một phần thửa đất số 929, tờ bản đồ số 7, tại xóm Đ, xã N, huyện N, tỉnh Nghệ An được Sở Tài nguyên và Môi trưởng tỉnh Nghệ An cấp GCNQSDĐ số DC 640584 ngày 09/8/2021 mang tên ông Đăng Văn T3 và bà Nguyễn Thị M1. Có tứ cận như sau: Phía Đông giáp thửa đất bà M1 có cạnh 1,56 m +0,24 m +6,64 m +0,44 m +1,86 m +0,22 m +2,29 m+0,56 m +6,48 m; phía Tây giáp thửa đất ONT 1290, có cạnh 19,13 m; phía Nam giáp đường, có cạnh 12,10 m; phía Bắc giáp thửa đất ONT 890, có cạnh 11,14 m; anh Đặng Văn C và chị Bùi Thị L không phải tháo dỡ phần via của ngôi nhà 02 tầng mà anh Đặng Văn C và chị Bùi Thị L đã xây dựng lấn sang phần đất của bà Nguyễn Thị M1 được chia, có kích thước chiều rộng 0,20 m, chiều dài 1,86 m.

2.2. Bà Đặng Thị M được quyền sử dụng 416,7 m^2 đất ở, trị giá 2.083.500.000 đồng thuộc một phần thửa đất số 929, tờ bản đồ số 7, tại xóm Đ, xã N, huyện N, tỉnh Nghệ An được Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh N cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số DC 640584 ngày 09 tháng 8 năm 2021 mang tên ông Đặng Văn T1 và bà Đặng Thị M. Có tứ cận như sau: Phía Đông giáp đường, có cạnh 18,35m; phía Tây giáp nhà anh C, chị L, có cạnh 1,56 m + 0,24 m + 6,64 m + 0,44 m + 1,86 m + 0,22 m + 2,29 m + 0,56 m + 6,48 m; Phía Nam

giáp đường, có cạnh 21,87 m; phía Bắc giáp thửa ONT 890, có cạnh 23,00 m và được sở hữu tổng diện tích bờ tường rào xây bằng táp lô bao quanh phần đất của bà M được chia là 63,22 m^2; 02 trụ cổng xây bằng gạch táp lô, có lõi bê tông cốt thép, 02 cánh cửa bằng sắt lưới B40, cao 1,9 m, rộng 2,3 m trị giá 5.252.180 đồng.

2.3. Anh Đặng Văn C và chị Bùi Thị L không phải thanh toán 411.500.000 đồng tiền chênh lệch giá trị tài sản cho bà Nguyễn Thị M1.

2.4. Bà Đặng Thị M không phải thanh toán cho anh Đặng Văn C, chị Bùi Thị L số tiền 5.252.180 đồng do được hưởng các tài sản gồm: bờ tường bao quanh phần đất được chia, có diện tích 63,22 m^2; 02 trụ cổng xây bằng gạch táp lô, có lõi bê tông cốt thép, 02 cánh cửa bằng sắt lưới B40, cao 1,9 m, rộng 2,3 m.

Hội đồng xét xử xét thấy: Tại phiên tòa phúc thẩm, các đương sự đã thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án. Sự thỏa thuận này là tự nguyện, không ai bị ép buộc hoặc lừa dối, không vi phạm điều cấm của pháp luật và không vi phạm đạo đức xã hội nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4]. Về án phí:

Nguyên đơn bà Đặng Thị M là người cao tuổi nên được miễn nộp tiền án phí theo quy định của Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án.

Anh Đặng Văn C và chị Bùi Thị L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm và án phí dân sự phúc thẩm theo quy định.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan chị Đặng Thị T được nhận di sản thừa kế là 92 m^2 đất và đề nghị Tòa án giao cho nguyên đơn bà Nguyễn Thị M1 quản lý sử dụng. Tòa án cấp sơ thẩm không buộc chị Đặng Thị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là không đúng quy định, tuy nhiên do nội dung này không có kháng cáo, không bị kháng nghị nên Tòa án cấp phúc thẩm không xem xét, vì vậy Tòa án cấp sơ thẩm cần rút kinh nghiệm.

[4] Các nội dung khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị, Hội đồng xét xử không xem xét.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 300, khoản 2 Điều 308; Điều 309 của Bộ luật tố tụng dân sự: Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự; sửa bản án sơ thẩm:

Căn cứ Điều 26, Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 611, Điều 612, Điều 613, Điều 650, Điều 651, Điều 660 của Bộ luật dân sự. Điều 33, điều 66 của Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án, xử:

1. Bà Đặng Thị M được quyền sử dụng 416,7 m^2 đất ở, trị giá 2.083.500.000 đồng thuộc một phần thửa đất số 929, tờ bản đồ số 7, tại xóm Đ, xã N, huyện N, tỉnh Nghệ An đã được Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh N cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số DC 640584 ngày 09 tháng 8 năm 2021 mang tên ông Đặng Văn T1 và bà Đặng Thị M, có tứ cận (được ký hiệu S1 trên sơ đồ vị trí đất được chia kèm theo bản án) như sau:

- Phía Đông giáp đường, có cạnh 18,35m.

- Phía Tây giáp nhà anh C, chị L, có cạnh 1,56 m + 0,24 m + 6,64 m + 0,44 m + 1,86 m + 0,22 m + 2,29 m + 0,56 m + 6,48 m.

- Phía Nam giáp đường, có cạnh 21,87 m.

- Phía Bắc giáp thửa ONT 890, có cạnh 23,00 m.

Bà Đặng Thị M được sở hữu bờ tường rào xây bằng táp lô bao quanh phần đất của bà Đặng Thị M được chia có diện tích 63,22 m^2; 02 trụ cổng xây bằng gạch táp lô, có lõi bê tông cốt thép, 02 cánh cửa bằng sắt lưới B40, cao 1,9 m, rộng 2,3 m, trị giá 5.252.180 đồng.

2. Anh Đặng Văn C và chị Bùi Thị L được quyền sử dụng 221,3 m^2 đất ở, trị giá 1.106.500.000 đồng thuộc một phần thửa đất số 929, tờ bản đồ số 7, tại xóm Đ, xã N, huyện N, tỉnh Nghệ An được Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh N cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số DC 640584 ngày 09 tháng 8 năm 2021 mang tên ông Đặng Văn T1 và bà Đặng Thị M, có tứ cận (được ký hiệu S2 trên sơ đồ vị trí đất được chia kèm theo bản án) như sau:

- Phía Đông giáp thửa đất bà M được chia có cạnh 1,56 m +0,24 m +6,64 m +0,44 m +1,86 m +0,22 m +2,29 m +0,56 m +6,48 m.

- Phía Tây giáp thửa đất ONT 1290, có cạnh 19,13 m.

- Phía Nam giáp đường, có cạnh 12,10 m.

- Phía Bắc giáp thửa đất ONT 890, có cạnh 11,14 m

Anh Đặng Văn C và chị Bùi Thị L được sở hữu toàn bộ tài sản do anh Đặng Văn C, chị Bùi Thị L tạo dựng trên phần diện tích 221,3 m^2 được chia.

3. Anh Đặng Văn C và chị Bùi Thị L không phải tháo dỡ phần via của ngôi nhà 02 tầng do anh Đặng Văn C và chị Bùi Thị L đã xây dựng lấn sang phần đất của bà Nguyễn Thị M1 được chia, có kích thước chiều rộng 0,20 m, chiều dài 1,86 m.

4. Anh Đặng Văn C và chị Bùi Thị L không phải thanh toán 411.500.000 đồng tiền chênh lệch giá trị tài sản cho bà Nguyễn Thị M1.

5. Bà Đặng Thị M không phải thanh toán cho anh Đặng Văn C, chị Bùi Thị L số tiền 5.252.180 đồng do được hưởng các tài sản gồm: Bờ tường bao quanh phần đất được chia, có diện tích 63,22 m^2; 02 trụ cổng xây bằng gạch táp lô, có lõi bê tông cốt thép, 02 cánh cửa bằng sắt lưới B40, cao 1,9 m, rộng 2,3 m.

6. Các đương sự có quyền và nghĩa vụ đến các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để làm thủ tục cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật.

7. Về án phí dân sự: Buộc anh Đặng Minh C2 và chị Bùi Thị L phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm và 45.195.000 đồng (bốn mươi lăm triệu một trăm chín mươi lăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ số tiền tạm ứng án phí 600.000 đồng (sáu trăm ngàn đồng) đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0002352 và Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0002353 ngày 01/8/2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện N, tỉnh Nghệ An. Anh Đặng Minh C2 và chị Bùi Thị L còn phải chịu 44.595.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Chia kỷ phần mỗi người phải chịu 22.297.500 đồng.

8. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định các Điều 6, 7 , 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

9. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND tỉnh Nghệ An;
- TAND huyện N;
- Chi Cục THA huyện N;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đã ký)
Hoàng Ngọc Anh